

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 03 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 63/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026,

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị K**, sinh ngày: 05/05/1984; Địa chỉ: **Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Trị**; Số định danh cá nhân: xxx do **Cục C** về trật tự xã hội cấp ngày 21/03/2023.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh ngày: 24/04/1984; Nơi ĐKKHKT: **Thôn D, xã C, tỉnh Hà Tĩnh**; Chỗ ở hiện nay: **Số A, đường H, phường T, tỉnh Hà Tĩnh**. Số định danh cá nhân: xxx do **Cục C** về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2023.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Do mối quan hệ quen biết, từ ngày 21/10/2024 đến ngày 28/01/2025 chị **Lê Thị K** có chuyển cho chị **Trần Thị T** tổng số tiền 140.000.000 đồng để hỗ trợ làm hồ sơ xuất khẩu lao động cho một số người. Sau đó hai bên thỏa thuận không tiếp tục thực hiện việc xuất khẩu lao động. Ngày 11/09/2025, chị **Lê Thị K** và chị **Trần Thị T** ký kết với nhau Biên bản thanh lý hồ sơ với nội dung chị **T** phải trả lại cho chị **K** số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) vào ngày 30/09/2025. Tuy nhiên từ đó đến nay chị **T** mới thanh toán cho chị **K** số tiền 20.000.000 đồng. Chị **Lê Thị K** yêu cầu chị **Trần Thị T** thanh toán cho

chị **K** số tiền còn lại là 100.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 105.000.000 đồng. Chị **Trần Thị T** thừa nhận còn nợ chị **Lê Thị K** số tiền trên và nhận trách nhiệm thanh toán cho chị **Lê Thị K** số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi chậm trả, tổng cộng là 105.000.000 đồng.

*Về án phí: Chị **Trần Thị T** tự nguyện chịu 2.625.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV1 - Hà Tĩnh;
- Phòng THADS KV1- Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Huyền